

0.a. Goal

Mục tiêu 8: Đảm bảo tăng trưởng kinh tế bền vững, toàn diện, liên tục; tạo việc làm đầy đủ, năng suất và việc làm tốt cho tất cả mọi người

0.b. Target

Mục tiêu 8.3: Tăng cường các chính sách hỗ trợ các hoạt động sản xuất có năng suất cao, tạo việc làm tốt và bền vững, hỗ trợ làm chủ doanh nghiệp, phát minh và sáng tạo; chính thức hóa và tăng trưởng các doanh nghiệp vừa, nhỏ và siêu nhỏ, gồm cả thông qua việc tiếp cận với các dịch vụ tài chính (Mục tiêu 8.3 toàn cầu)

0.c. Indicator

Chỉ tiêu 8.3.1. Tỷ lệ lao động có việc làm phi chính thức

0.d. Series

Proportion of informal employment, by sector and sex (ILO harmonized estimates) [8.3.1]
SL_ISV_IFEM

0.e. Metadata update

tháng 6/2021

1.a. Organisation

Tổng cục Thống kê

1.f. Contact mail

54 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội

1.g. Contact email

banbientap@gso.gov.vn.

2.a. Definition and concepts

Tỷ lệ lao động có việc làm phi chính thức là phần trăm số lao động có việc làm phi chính thức trên tổng số lao động có việc làm trong khu vực phi nông, lâm nghiệp, thủy sản và lao động trong khu vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản có đăng ký kinh doanh.

Lao động có việc làm phi chính thức bao gồm những người làm việc trong khu vực phi nông, lâm nghiệp, thủy sản hoặc trong khu vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản có đăng ký kinh doanh, thuộc một trong bốn nhóm sau: (i) lao động gia đình không được hưởng lương, hưởng công; (ii) người chủ của cơ sở, lao động tự làm trong khu vực phi chính thức; (iii) người làm công ăn lương không được ký hợp đồng lao động hoặc được ký hợp đồng hợp đồng có thời hạn nhưng không được cơ sở tuyển dụng đóng bảo hiểm xã hội theo hình thức bắt buộc; (iv) xã viên hợp tác xã không đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc

2.c. Classifications

Bảng danh mục các đơn vị hành chính Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 124/2004/QĐ-TTg ngày 08/7/2004 của Thủ tướng Chính phủ và những thay đổi được Tổng cục Thống kê cập nhật đến thời điểm 31/12/2019)

Bảng Danh mục nghề nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 34/2020/QĐ-TTg ngày 26 tháng 11 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ.

3.a. Data sources

Điều tra lao động và việc làm.

3.b. Data collection method

Đây là cuộc điều tra chọn mẫu được quy định trong Chương trình điều tra thống kê quốc gia.

Điều tra Lao động việc làm là điều tra chọn mẫu với cỡ mẫu bảo đảm các ước lượng thống kê cho cấp vùng, thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh theo quý và cho cấp tỉnh theo năm.

- Điều tra chọn mẫu áp dụng phương pháp chọn mẫu phân tầng hai giai đoạn:

+ Giai đoạn 1: Xác định số địa bàn mẫu; phân bố địa bàn mẫu dựa trên danh sách địa bàn mẫu chủ của Tổng điều tra dân số và nhà ở 2019 tại mỗi tỉnh theo 2 tầng cho khu vực thành thị và nông thôn; thực hiện chọn các địa bàn theo phương pháp xác suất tỷ lệ thuận với quy mô hộ của địa bàn.

+ Giai đoạn 2: Chọn hộ mẫu tại mỗi địa bàn điều tra mẫu được chọn ở giai đoạn 1 theo phương pháp ngẫu nhiên hệ thống.

- Phương pháp thu thập thông tin: Phương pháp phỏng vấn trực tiếp sử dụng phiếu điện tử được cài đặt trên máy tính bảng hoặc điện thoại thông minh của điều tra viên. Điều tra viên đến từng hộ để hỏi người cung cấp thông tin và ghi đầy đủ các câu trả lời vào phiếu điện tử.

Mục đích: Thu thập thông tin phản ánh thực trạng nguồn lao động và việc làm nhằm phục vụ yêu cầu quản lý, khai thác sử dụng có hiệu quả và phát triển hợp lý nguồn lực thị trường lao động; phục vụ tính toán các chỉ tiêu thống kê lao động, việc làm được quy định trong hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia.

3.d. Data release calendar

năm

3.e. Data providers

Tổng cục Thống kê

3.f. Data compilers

Tổng cục Thống kê

4.a. Rationale

Thống kê về tính phi chính thức là chìa khóa để đánh giá chất lượng việc làm trong nền kinh tế. Trong bối cảnh mức độ bao phủ bảo trợ xã hội bị hạn chế, các phúc lợi an sinh xã hội (như bảo hiểm thất nghiệp) không đủ hoặc thậm chí không có, hoặc khi lương và lương hưu thấp, các cá nhân có thể phải làm những công việc phi chính thức để đảm bảo sinh kế. Trong những tình huống này, các chỉ số như tỷ lệ thất nghiệp sẽ cung cấp một bức tranh không đầy đủ về tình hình thị trường lao động, cho thấy những thâm hụt lớn về chất lượng việc làm.

4.c. Method of computation

Method of computation

Công thức tính:

$$\begin{array}{l} \text{Tỷ lệ lao động có việc làm} \\ \text{phi chính thức (\%)} \end{array} = \frac{\text{Lao động có việc làm phi chính thức}}{\text{Tổng số lao động có việc làm trong khu}} \times 100$$

vực phi nông, lâm nghiệp, thủy sản và lao
động trong khu vực nông nghiệp, lâm
nghiệp, thủy sản có đăng ký kinh doanh

5. Data availability and disaggregation

Số liệu có sẵn theo phân tổ giới tính; thành thị/nông thôn hàng năm từ 2011-2019

(Nguồn công bố: Báo cáo quốc gia năm 2020 tiến độ 5 năm thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững. Số liệu từ Tổng cục Thống kê)

6. Comparability/deviation from international standards

Chỉ tiêu này tương ứng với chỉ tiêu SDG toàn cầu 8.3.1: Proportion of informal employment in total employment, by sector and sex

Nội dung, phạm vi bảo đảm tính so sánh quốc tế.

7. References and Documentation

- Thông tư số 03/2019/TT-BKHĐT ngày 22/01/2019 quy định Bộ chỉ tiêu thống kê phát triển bền vững của Việt Nam;
- Báo cáo quốc gia năm 2020 tiến độ 5 năm thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững;
- <https://unstats.un.org/sdgs/metadata/>